

**PHỤ LỤC 02**
**DỊCH VỤ CHUYỂN TIỀN (chưa bao gồm thuế GTGT)**

 (Ban hành kèm theo Quyết định số /2023/QĐ-TGD ngày / /2023  
 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Việt Á)

STT	Mã phí	Khoản mục	Mức phí	Tối thiểu	Tối đa
<b>A</b>	<b>DỊCH VỤ CHUYỂN TIỀN TRONG NƯỚC</b>				
<b>I</b>	<b>Nộp tiền mặt và chuyển đi (KH không giao dịch qua tài khoản), không thu thêm phí kiểm đếm</b>				
<b>1</b>	<b>Trong hệ thống VietABank</b>				
1.1	D01K	Cùng tỉnh/TP	0,02%/số tiền chuyển	20.000 VND	
1.2	D02K	Khác tỉnh/TP	0,03%/số tiền chuyển	20.000 VND	
<b>2</b>	<b>Ngoài hệ thống VietABank (chỉ thực hiện chuyển tiền qua kênh thanh toán điện tử liên Ngân hàng Citad)</b>				
2.1	D03K	Cùng tỉnh/TP	0,03%/số tiền chuyển	30.000 VND	
2.2	D04K	Khác tỉnh/TP	0,07%/số tiền chuyển	30.000 VND	
<b>II</b>	<b>Chuyển khoản trong hệ thống VietABank</b>				
1	D05K	Chuyển vào tài khoản	Miễn phí		
2	D06K	Chuyển cho người nhận bằng CMND	0,03% số tiền chuyển	20.000 VND	1.000.000 VND
<b>III</b>	<b>Chuyển khoản ngoài hệ thống VietABank</b>				
<b>1</b>	<b>Chuyển khoản liên ngân hàng (kênh Citad, kênh BIDV, ...)</b>				
1.1	D07K	Cùng tỉnh/TP	0,01% số tiền chuyển	20.000 VND	500.000 VND
1.2	D08K	Khác tỉnh/TP	0,04% số tiền chuyển	25.000 VND	1.000.000 VND
2	D09K	<b>Chuyển tiền nhanh NAPAS 247</b>	0,05% số tiền chuyển	30.000 VND	
	Lưu ý: Khoản tiền có nguồn gốc từ tiền gửi có kỳ hạn (tiền gốc, tiền lãi...) thu phí chuyển khoản theo quy định trừ trường hợp HĐTG có thỏa thuận khác				
<b>IV</b>	<b>Sửa đổi, tra soát lệnh chuyển tiền</b>				
1	D10K	Trong hệ thống	Miễn phí		
2	D11K	Ngoài hệ thống	20.000 VND/món		
<b>B</b>	<b>DỊCH VỤ CHI HỘ LƯƠNG/CHUYỂN KHOẢN THEO LÔ</b>				
<b>I</b>	<b>Từ tài khoản VND</b>				

STT	Mã phí	Khoản mục	Mức phí	Tối thiểu	Tối đa
<b>1</b>	<b>Đơn vị trả lương tự thực hiện chi lương (ĐVTTL tự thực hiện trả lương trên Internet banking)</b>				
1.1	D01L	Người nhận có tài khoản tại VietABank (không phân biệt tỉnh/TP)	1.000 VND/món	100.000 VND/lần	
1.2	D02L	Người nhận có tài khoản tại Ngân hàng khác	2.000 VND/món + Phí CT thực tế phát sinh		
<b>2</b>	<b>VietABank chi hộ lương</b>				
2.1	D03L	Người nhận có tài khoản tại VietABank (không phân biệt tỉnh/TP)	2.000 VND/món	100.000 VND/lần	
2.2	D04L	Người nhận có tài khoản tại Ngân hàng khác	2.000 VND/món + Phí CT thực tế phát sinh		
<b>3</b>	<b>D05L</b>	<b>Phí cung cấp chứng từ thanh toán lương theo yêu cầu khách hàng</b>	100.000 VND/lần		
<b>4</b>	<b>Chuyển khoản theo lô</b>				
4.1	D06L	Người nhận có tài khoản tại VietABank (không phân biệt tỉnh/TP)	3.000 VND/món	100.000 VND/lần	
4.2	D07L	Người nhận có tài khoản tại Ngân hàng khác	3.000 VND/món + Phí CT thực tế phát sinh		
<b>II</b>	<b>Từ tài khoản ngoại tệ</b>				
1	D08L	Người nhận có tài khoản tại VietABank (không phân biệt tỉnh/TP)	0,3 USD/món	10 USD	100 USD
2	D09L	Người nhận có tài khoản tại Ngân hàng khác	0,3 USD/món + Phí CT phát sinh thực tế		
3	D10L	Phí cung cấp chứng từ thanh toán lương theo yêu cầu khách hàng	100.000 VND/lần		

## Ghi chú:

- Đối với phí "sửa đổi, tra soát": Nếu sai sót phát sinh do Ngân hàng thì không thu phí tra soát của Khách hàng;
- Việc phân định cùng, khác tỉnh/TP căn cứ như sau: (i) Giao dịch được coi cùng tỉnh/TP khi Chi nhánh thực hiện lệnh, Chi nhánh mở tài khoản và Ngân hàng người hưởng nằm trên cùng địa bàn tỉnh/TP; (ii) Các trường hợp khác được coi là giao dịch khác tỉnh/TP.
- Đối với phí chuyển khoản từ nguồn tiền giải ngân, áp dụng theo mức phí chuyển khoản của VietABank;